

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN N
THÀNH PHỐ C**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 122/2023/HN-ST

Ngày: 27/10/2023

V/v: Xin ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN N

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Cao Thị Thanh Trúc**.
- *Các Hội thẩm nhân dân:* - Bà **Nguyễn Thị Mai Hồng**
- Bà **Nguyễn Thị Hoàng Oanh**.

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà **Trần Thị Kiều Trang** – Cán bộ Tòa án nhân dân quận N.

Ngày 27 tháng 10 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận N, thành phố C xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 219/2023/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2023 về việc “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 686/2023/QĐST-HN ngày 18 tháng 8 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 259/QĐST – HN ngày 08/9/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 300/2023/QĐST – HN ngày 27/9/2023, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Ông **Nguyễn Minh T**, sinh năm 1987

Địa chỉ: 137/4B Hoàng Văn Thụ, phường An Cư, Q. N, TP. C

*** Bị đơn:** Bà **Nguyễn Thị T1**, sinh năm 1988

Địa chỉ: Hẻm 635 (cuối hẻm nhà trọ bên tay phải, phòng số 6) đường 30/4, phường Hưng Lợi, quận N, thành phố C.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Theo đơn xin ly hôn đề ngày 27 tháng 4 năm 2023 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Minh T trình bày:** Ông và bà Nguyễn Thị T1 tự tìm hiểu và tự nguyện đi đến hôn nhân. Có đăng ký kết hôn tại UBND phường An Cư, quận N, thành phố C ngày 29/3/2010. Quá trình chung sống giữa vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng cãi vã. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, bà T1 dọn ra ngoài sống vợ chồng đã ly thân nhau từ tháng 3 năm 2023 đến nay. Nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà T1.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Thị Thực Q (nữ), sinh ngày 12/2/2015. Hiện cháu Q đang sống cùng ông. Khi ly hôn ông yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu bà T1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Quá trình giải quyết vụ kiện bị đơn bà Nguyễn Thị T1 luôn vắng mặt tuy nhiên bà có gửi văn bản ý kiến như sau:**

Về quan hệ hôn nhân: Bà không đồng ý ly hôn với ông T vì bà muốn con có đầy đủ cha, mẹ, có đầy đủ tình yêu thương của gia đình. Hơn nữa hiện ông T có người phụ nữ khác bên ngoài, không lo lắng, chăm sóc cho vợ con chính vì việc này bà đã tranh cãi với ông T và dọn ra ngoài thuê nhà trọ sống.

Về con chung: Bà yêu cầu được nuôi con.

Về tài sản chung: Bao gồm nhà, công ty, vật dụng trong gia đình, 02 xe máy và 01 xe tải. Bà yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung.

Về nợ chung: Vợ chồng bà có vay tiền để phục vụ sinh hoạt trong gia đình và đầu tư kinh doanh. Bà yêu cầu Tòa án giải quyết khoản nợ chung này.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu như đã trình bày trên. Bị đơn vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về quan hệ pháp luật: Ông T, bà T1 tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo quy định nên xem là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn nên ông T có đơn khởi kiện. Xác định quan hệ pháp luật là “Xin ly hôn” được quy định tại khoản 1 Điều 28, Điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ kiện Tòa án có triệu tập hợp lệ bị đơn bà Nguyễn Thị T1 tuy nhiên bà luôn vắng mặt. Ngày 10/9/2023 thư triệu tập tham gia phiên tòa gửi cho bà T1 bị hoàn lại với lý do bà T1 dọn đi nơi khác nhưng bà không thông báo cho Tòa án địa chỉ nơi cư trú mới. Đây được xem là trường hợp cố tình giấu địa chỉ nên Tòa án đã tiến hành thủ tục niêm yết văn bản tố tụng cho bà T1 là đúng quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự

[3] Về quan hệ hôn nhân: Ông T, bà T1 xây dựng hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Do cuộc sống chung không hạnh phúc nên ông, bà ly thân nhau từ đầu năm 2023 đến nay. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án có tiến hành hòa giải nhằm tạo điều kiện cho các bên có cơ hội hàn gắn tình cảm nhưng bà T1 luôn vắng mặt mặc dù bà có ý kiến không đồng ý ly hôn. Bà T1 không đồng ý ly hôn nhưng bà không có biện pháp gì nhằm xóa bỏ mâu thuẫn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét thấy, hôn nhân là sự tự nguyện của cả 02 bên, nếu một bên không muốn tiếp tục thì dù có duy trì cũng không mang lại hạnh phúc. Do vậy nên chấp nhận yêu cầu của ông T là cho ông được ly hôn với bà T1.

[4] Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Thị Thục Q (nữ), sinh ngày 12/2/2015. Hiện cháu Q đang sống cùng ông T. Khi ly hôn ông T yêu cầu được nuôi con. Mặc dù bà T1 cũng có mong muốn được nuôi con nhưng bà luôn vắng mặt tại các buổi làm việc theo giấy triệu tập của Tòa. Cho thấy bà cũng không thiết

tha trong việc bảo vệ quyền lợi của mình. Nhận thấy, cháu Q hiện sống cùng ông T, cháu có chỗ ở ổn định, cháu Q cũng có nguyện vọng được sống cùng cha. Do vậy để tránh gây xáo trộn cuộc sống của cháu nên giao cháu cho ông T trực tiếp nuôi con là phù hợp.

Về cấp dưỡng: Do ông T không yêu cầu bà T1 cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Do bà T1 vắng mặt, ông T cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết nên sẽ tách ra nếu sau này có phát sinh tranh chấp các đương sự sẽ khởi kiện thành vụ án khác.

[6] Về án phí: Ông T phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, 35, 147, 227 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Minh T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ông Nguyễn Minh T được ly hôn với bà Nguyễn Thị T1.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Thục Q (nữ), sinh ngày 12/2/2015 cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng. Bà T1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho bà T1 theo quy định pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Tách ra giải quyết thành vụ kiện khác khi đương sự có yêu cầu.

4. Về án phí: Ông Nguyễn Minh T phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng mà ông đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001199 ngày 09/6/2023.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm. Riêng bà T1 thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết bản án.

Nội nhần:

TM . HOÀI ÑOÀNG XEÙT XÔÙ SÔ THẨM

- TAND TP Cànn Thô “ñeã baùo caùo”.

Thẩm phán - Chuû toïa phieân

toøa

- VKSND TPCT, Q. N “ñeã theo doõi”.

- Caùc ñoõng sôï “ñeã bieát”.

- THA DS Q. N “ñeả thi haønh”.
- UBND P. **An Cu.**
- Lõu hoà sô Daân sõi.

Cao Thò Thanh Truùc

Thành viên HĐXX

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hoàng Oanh Nguyễn Thị Mai Hồng Cao Thị Thanh Trúc

Nội nhữn:

- TAND TP Caàn Thô “ñeả baùo caùo”.

toøa

- VKSND TPCT, Q. N “ñeả theo doõi”.

- Caùc ñõõng sõi “ñeả bieát”.

- THA DS Q. N “ñeả thi haønh”.

- UBND P. **An Cu.**

- Lõu hoà sô Daân sõi.

TM . HOÀI ÑOÀNG XEÙT XÖÙ SÔ THAẢM

Thaảm phaùn - Chuû toïa phieân

Cao Thò Thanh Truùc

